TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **35**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11/5/2021
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Thôi
2. Ông Nguyễn Bính

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lê Thảo Nguyên, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 67/2021/TLST- HNGĐ ngày 24/02/2021, về việc: "Ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 94/2021/QĐST - HNGĐ ngày 05/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Quang A, sinh năm 1972

Nơi ĐKNKTT: khu phố 2, phường B, th. phố Phan Thiết, Bình Thuận.

Nơi cư trú: khu phố 3, phường C, th. phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Bà Lưu Thị Thu D, sinh năm 1974

Nơi ĐKNKTT: khu phố 2, phường B, th.phố Phan Thiết, Bình Thuận.

Nơi cư trú: khu phố 2, phường E, th.phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 03/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ QuangA trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, ông và bà Lưu Thị Thu D tự nguyện tìm hiểu, sống chung và có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường F, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 15/11/2002. Năm 2018 ông đã khởi kiện ly hôn với bà D, hòa giải không thành qua hai cấp Tòa đều bác yêu cầu chính đáng muốn được chấm dứt hôn nhân với

bà D của ông, thời gian từ tháng 11/2017 ông bà đã mạnh ai nấy sống, ông không quan tâm tới bà D nữa, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, có rất nhiều nguyên nhân, gia đình hiện nay thực sự đã tan vỡ, ông không muốn gặp mặt, không muốn nói chuyện với bà D, mâu thuẫn dẫn đến bế tắc trong cuộc sống, ông cho rằng càng kéo dài càng gây ra nhiều hệ lụy. Ông cảm thấy không còn tình cảm với bà D nữa, không thể sống chung với bà D. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà D.Về con chung, các con chung ông vẫn có tình cảm và trách nhiệm với hai con là Võ Xuân G, (giới tính: nữ, sinh ngày: 26/12/2003, Võ Quang H, (giới tính: nam), sinh ngày: 08/6/2013, nguyện vọng sau ly hôn ông muốn giao cả hai con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng như trước giờ và ông vẫn cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng cho mỗi con. Từ khi không sống chung ông vẫn cấp dưỡng số tiền như trên, với hình thức chuyển vào tài khoản của bà D ở Ngân hàng Vietinbank 5.000.000 đồng, tài khoản của bé G ở Ngân hàng Sacombank 5.000.000 đồng, nay ông tự nguyện thay đổi mức cấp dưỡng nuôi mỗi con 7.500.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lưu Thị Thu D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, bà và ông Võ Quang A tự nguyện tìm hiểu, sống chung và có đăng ký kết hôn vào năm 2002 như ông A trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng rất hòa thuận, ông A là người có trách nhiệm với gia đình, yêu thương vợ con. Bà vẫn mong một ngày ông A quay về chung sống với mẹ con bà. Ông A trình bày nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là không đúng, do ông A không chung D, tự gây mâu thuẫn, tự dọn đồ ra sống riêng. Nay ông A vẫn khởi kiện ly hôn với bà, nếu bà không đồng ý vẫn không thay đổi được tình trạng hôn nhân hiện nay nên hôm nay tại phiên tòa bà đồng ý ly hôn, yêu cầu HĐXX xem xét sự thuận tình ly hôn giữa bà và ông A. Về con chung, ông bà có hai con chung là Võ Xuân G, Võ Quang H như ông A đã trình bày, từ khi ông bà không sống chung, hàng tháng các con vẫn được ông A gởi tiền nuôi dưỡng hàng tháng 10.000.000 đồng như ông A trình bày. Nếu HĐXX chấp nhận việc ông bà thuận tình ly hôn, nguyện vọng bà vẫn muốn tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và đồng ý nhận mức cấp dưỡng như tại phiên tòa ông A đã tự nguyện điều chỉnh mức cấp dưỡng cho mỗi con, từ 5.000.000 đồng lên mức 7.500.000 đồng, đề nghị HĐXX xem xét công nhận mức thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con như trên. Về tài sản chung và nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bị đơn đều thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân, ông Võ Quang A được ly hôn bà Lưu Thị Thu D, về con chung, giao cả hai con chưa thành niên cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, ông A tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con 7.500.000 tháng đến khi các con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động; về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về án phí ông Võ Quang A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Võ Quang A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lưu Thị Thu D có nơi cư trú tại thành phố Phan Thiết; về con chung ông bà có hai con chung chưa thành niên là Võ Xuân G, Võ Quang H. Đây là vụ kiện "Ly hôn, nuôi con chung" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố Phan Thiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành các bước thụ lý, xác minh, hòa giải hai lần, ra Quyết định xét xử… các đương sự tham gia và chấp hành đầy đủ theo qui định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: ông Võ Quang A và bà Lưu Thị Thu D tự nguyện tìm hiểu sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND phường F, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 15/11/2002 nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông A cho rằng, cuộc sống hôn nhân không được như ý muốn, xảy ra nhiều mâu thuẫn, có rất nhiều nguyên nhân, gia đình hiện nay thực sự đã tan vỡ, ông không muốn gặp mặt, không muốn nói chuyện với bà D, mâu thuẫn dẫn đến bế tắc trong cuộc sống, ông cho rằng càng kéo dài càng gây ra nhiều hệ lụy, không mang lại hạnh phúc cho nhau. Bà D trong cả quá trình tòa án giải quyết vẫn giữ nguyên ý kiến không muốn ly hôn với ông A, bà cũng không chứng minh được các xung đột trong gia đình của ông bà chỉ là nhất thời, mâu thuẫn là do ông tự tạo ra nhưng bà cũng thừa nhận đã kéo dài dai dẳng, liên tục từ năm 2017 đến nay, thực tế ông bà đã không chung sống cùng nhau từ thời điểm đó, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà đã đồng ý ly hôn, yêu cầu HĐXX xem xét cho ông bà thuận tình ly hôn

Ông bà đã trải qua hai cấp tòa sơ và phúc thẩm các cấp tòa trước đây đều cho rằng tình trạng hôn nhân của ông A và bà D chưa đến mức trầm trọng, ông A không cung cấp thêm chứng cứ để chứng minh cuộc sống của ông bà thực sự có mâu thuẫn, lần giải quyết này Tòa án đã đi xác minh, thực tế ông bà đã không sống cùng nhau đã vi phạm Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, về tình nghĩa vợ chồng, ông bà sống ly thân từ vài năm trở lại đây, ngay

tại phiên tòa hôm nay ông bà đã thuận tình ly hôn, điều đó thể hiện hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A với bà D theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4.2]. Về con chung: ông bà có 02 con chung là Võ Xuân G, (giới tính: nữ, sinh ngày: 26/12/2003, Võ Quang H, (giới tính: nam), sinh ngày: 08/6/2013, các con của ông bà đều có nguyện vọng muốn chung sống có cả cha và mẹ; từ khi ông bà không sống chung các con vẫn do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các bên đều thừa nhận mặc dù các bản án trước đây bác yêu cầu ly hôn của ông nhưng ông vẫn tự nguyện cấp dưỡng, mặt khác bà D cũng đã nhận số tiền mà ông chuyển khoản hàng tháng cho mỗi con là 5.000.000 đồng, Tại phiên tòa các bên đã tự nguyện điều chỉnh và tăng mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con lên 7.500.000 đồng nên HĐXX xét thấy, để không làm xáo trộn cuộc sống của các con, việc tiếp tục giao các con cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận mức cấp dưỡng như trên là phù hợp, việc ly hôn và không muốn tiếp tục chung sống của cha mẹ các con là ngoài ý muốn nên HĐXX không chấp nhận như nguyện vọng của các con.

[4.3]. Về tài sản và nợ chung: ông A, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: ông A phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình và 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Ngày 24/02/2021 ông A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 004167 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, ông A còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 146; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Võ Quang A đối với bà Lưu Thị Thu D; ông Võ Quang A được ly hôn bà Lưu Thị Thu D.

Về con chung: ông bà có 02 con chung là Võ Xuân G, (giới tính: nữ, sinh ngày: 26/12/2003, Võ Quang H, (giới tính: nam), sinh ngày: 08/6/2013.
Giao cả hai con chung cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

Ông Võ Quang A cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 7.500.000 đồng cho mỗi con, đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Võ Quang A được quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

Bà D không được ngăn cản ông A trong việc thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc các nhân, tổ chức theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: ông Võ Quang A, bà Lưu Thị Thu D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: ông Võ Quang A phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Ngày 24/02/2021 ông A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 004167 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, ông A còn phải nộp thêm 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/5/2021).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP.Phan Thiết;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS TP.Phan Thiết;
- UBND các đương sự ĐKKH;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Ngọc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đô **Lưu Thị Thôi** **Nguyễn Thị Bích Ngọc**